

Lào Cai, ngày 14 tháng 4 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ
NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
SỐ 01/CBNL –KĐXD

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai.

Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin chung về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên tổ chức: Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai
- Thành lập theo Quyết định số 331/QĐ –UBND ngày 24/7/2006 của UBND tỉnh Yên Bái; Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Lào Cai
- Địa chỉ: Ngõ 16 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: 094.368.3444
- Website của tổ chức: <https://kiemdinhxaydunglaocai.com>
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm tổng hợp và khảo sát địa chất - địa hình.
- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Ngõ 16 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

2.1 Danh mục chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện CTTN	Máy móc thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xi măng		
	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605: 2023	Sàng 0,09mm, Cân kỹ thuật cx1g, đồng hồ bấm giây, cân ±0,0005g, bình Lêchtelier, nhiệt kế, cân kỹ thuật cx0,01g, bể ổn nhiệt
	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 6016: 2011	Tủ dưỡng hộ, máy trộn, khuôn 40*40*160mm, bàn dằn, gá thử uốn và nén, máy thử uốn và nén, cân kỹ thuật cx1g, đồng hồ

			bấm giầy
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và ổn định thể tích	TCVN 6017: 2015	Dụng cụ Vicat, dụng cụ Le Chetelier, thùng luộc mẫu, tủ dưỡng hộ, cân kỹ thuật, cx1g, đồng hồ bấm giầy, ống đong, máy trộn, thước
2	Cốt liệu cho BT và vữa		
	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-02: 2006; TCVN 4198: 2014	Cân kỹ thuật cx0,01g, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy (105±5)°C
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-04: 2006	Cân kỹ thuật cx0,01g, tủ sấy, bình dung tích, thùng ngâm mẫu, côn thử độ sụt của cốt liệu, phễu, que chọc, bình hút ẩm, sàng có kích thước mắt sàng 5mm và 0,140mm
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-05: 2006	Cân kỹ thuật cx0,01g, cân thủy tinh cx1%, giỏ đựng mẫu, thước kẹp, tủ sấy (105±5)°C
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-06: 2006	Thùng đong, cân kỹ thuật cx0,01g, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước là kim loại, thanh gỗ phẳng
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-07: 2006	Cân kỹ thuật cx0,01g, tủ sấy, dụng cụ đảo mẫu
	Xác định hàm lượng bụi bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-08: 2006	Cân kỹ thuật cx0,01g, cân phân tích cx0,001g, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giầy, tấm kính, que hoặc kim sắt
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-09: 2006	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, cân phân tích cx0,001g, bếp cách thủy, sàng có kích thước lỗ 20mm, thang màu để so sánh, thuốc thử
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10: 2006	Máy nén thủy lực, máy khoan và máy cưa đá, thước kẹp, thùng ngâm mẫu
	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11: 2006	Máy nén thủy lực, cân kỹ thuật cx0,01g, bộ sàng, tủ sấy, thùng ngâm mẫu

	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy L.A	TCVN 7572-12: 2006	Máy Los Angeles, cân kỹ thuật cx0,01g, bộ sàng, tủ sấy
	Xác định hàm lượng hạt thoi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13: 2006	Cân kỹ thuật cx0,01g, thước kẹp cải tiến, bộ sàng, tủ sấy
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu phong hoá	TCVN 7572-17: 2006;	Cân kỹ thuật cx0,01g, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm, búa con
	Xác định hàm lượng hạt bị va đập	TCVN 7572-18: 2006	Cân kỹ thuật cx0,01g, kính lúp
3	Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng		
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106: 2022	Bộ côn thử độ sụt, đồng hồ đo thời gian, thước đo
	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 1993;	Cân cx5g, thùng đong hình trụ, thước lá bằng thép
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 2022;	Khuôn thép kích thước 200*200*200mm, sàng, Pipet 5ml
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022	Cân kỹ thuật cx0,01g, thùng ngâm, tủ sấy, bình hút âm
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022	Cân kỹ thuật cx0,01g, thước đo vạch chia 1mm, tủ sấy, bình hút âm
	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 2022	Máy thử độ chống thấm, khuôn đúc mẫu hình trụ 15*15cm
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 2022; TCVN 10303: 2025	Máy nén, thước đo vạch chia 1mm, thước góc, đồng hồ đo thời gian có khả năng đọc đến 1s
	Xác định cường độ bê tông trên mẫu cấu kiện	TCVN 12252: 2020	Máy nén, máy khoan, thước đo
	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119: 2022	Máy nén, thước đo vạch chia 1mm

	Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120: 2022	Máy nén
	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338: 2012; TCXDVN 376: 2006;	Dụng cụ thử xuyên, khuôn chứa mẫu thử, sàng tiêu chuẩn, que chọc, nhiệt kế, pipet
	Thiết kế thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 9382: 2012; QĐ số 778/1998/ QĐ - BXD	
4	Vữa xây dựng		
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-01: 2022	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật cx0,01g, tủ sấy
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-06: 2022	Cân kỹ thuật, bình đong kim loại không gỉ
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-03: 2022	Cân kỹ thuật cx1g, thước kẹp có độ cx0,1mm, bàn dẫn, khâu hình côn
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-09: 2022	Bộ thử thời gian đông kết của vữa, đồng hồ bấm giây, tủ dưỡng hộ mẫu
	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 2022; TCVN 8876: 2012;	Cân kỹ thuật cx0,1g, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tĩnh
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11: 2022	Khuôn, chày đầm mẫu, tủ dưỡng hộ mẫu, tấm kính, máy thử uốn, máy nén
5	Đất trong phòng		
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195: 2012	Bình tỷ trọng 100ml, máy hút chân không,, bếp điện, cân phân tích cx0,01g, tủ sấy, nhiệt kế, bình hút ẩm
	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196: 2012	Tủ sấy 300°C, cân kỹ thuật có độ cx0,01g, bình hút ẩm, cốc thủy tinh,, rây đk lỗ 1mm, cối sứ, chày sứ đầu bọc cao su, khay men.
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 2012	Rây kích thước lỗ 1mm, cối sứ, chày đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, cân kỹ thuật, cx 0,01g, cốc thủy tinh có nắp, tủ sấy, bát tráng men, dao
	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198: 2014 TCVN 14135-5:2024 TCVN7572-2:2026	Bộ sàng, cân, tủ sấy, máy sàng lắc, nhiệt kế, bình hút ẩm, máy nghiền đất, bình phun tia, nước cất, dụng cụ trộn mẫu

	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199: 1995	Máy cắt phẳng, hộp cắt, bộ tạ hoặc hệ thống khí nén, vòng lực, đồng hồ so
	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm (Nén không nở hông)	TCVN 4200: 2012	Máy nén cố kết có doa vòng kim loại, hệ thống gia tải, thiết bị đo biến dạng
	Xác định đầm nén đất, đá dăm trong PTN	TCVN 4201: 2012; TCVN 12790: 2022 AAHTO T99-18; AASHTO T180-18 22TCN 333-06	Cối và chày đầm cải tiến, dụng cụ tháo mẫu, cân cx ±1g, cân cx±0,01g, tủ sấy, sàng 4,75mm
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202: 2012	Dao vòng, cân kỹ thuật, tủ sấy
	Xác định sức chịu tải của đất (CBR) trong PTN	TCVN 12792: 2022; TCVN 8821: 2011	Máy nén đa năng, đồng hồ đo biến dạng, cối khuôn CBR, chày đầm, dụng cụ đo trương nở, tấm gia tải thép, bể ngâm, tủ sấy, cân, sàng, dụng cụ tháo mẫu
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721: 2012	Bộ cối đong, bàn rung hoặc búa rung điện, cân điện tử
6	Vật liệu kim loại và liên kết hàn		
	Xác định cường độ kéo	TCVN 197-1: 2014	Máy thử kéo-nén-uốn, thước kẹp, thước cuộn
	Thử uốn	TCVN 198: 2008	Máy thử kéo-nén-uốn, bộ gối uốn
	Xác định cường độ kéo của Bulong	TCVN 1916: 1995; TCVN 197-1: 2014; TCVN 11741: 2017	Máy thử kéo, bộ chuông, thước kẹp chính xác 0,01mm
7	Thử nghiệm bê tông nhựa		
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Mashall	TCVN 8860-1: 2011	Máy nén Mashall, đầu nén Mashall, bể ổn nhiệt, đồng hồ đo lực và đo biến dạng, bộ khuôn đúc mẫu, búa đầm, tủ sấy, giá đầm mẫu, thiết bị tháo mẫu

	Xác định hàm lượng nhựa bằng PP sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2: 2011	Máy chiết ly tâm, vòng đệm giấy lọc, bình đựng dung môi, cân điện tử cx0,01g, tủ sấy, bình tỷ trọng hoặc ống đong, bếp điện, tủ hút chân không, khay nhôm, bàn chải lông mềm, bình xịt dung môi
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3: 2011	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy, chổi quét và khay đựng
	Xác định dung trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4: 2011	Bình tỷ trọng hoặc bình hút chân không, máy hút chân không, thiết bị tạo áp suất, đồng hồ đo áp suất, bàn rung, cân điện tử cx0,1g, bể ổn nhiệt, nhiệt kế
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5: 2011	Cân điện tử cx0,01g, bể nước, giá treo hoặc giỏ lưới, tủ sấy, nhiệt kế
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6: 2011	Rọ thép, khay hứng, tủ sấy, cân điện tử cx 0,1g, nhiệt kế, đồng hồ bấm giờ
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8: 2011	Cân điện tử cx0,01g, bộ đồ gá để cân thủy tĩnh, tủ sấy, khăn ẩm
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9: 2011	Máy hút chân không, bàn rung, bộ khuôn đúc mẫu, búa đầm Mashall, cân điện tử cx0,01g, và 0,1g
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10: 2011	Cân điện tử cx0,01g, bình định mức hoặc ống đong, tủ sấy, bộ sàng, thiết bị đầm, khuôn đúc,...
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11: 2011	Cân điện tử, bình tỷ trọng, máy hút chân không, ống đong, cân kỹ thuật cx0,01g
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12: 2011	Máy nén Mashall, đầu nén Mashall, bể ổn nhiệt, đồng hồ đo lực và đo biến dạng, bộ khuôn đúc mẫu, búa đầm, tủ sấy
	Thiết kế thành phần bê tông nhựa theo phương pháp Marshal	TCVN 8820:2011	
8	Nhựa Bitum		

	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495: 2005	Máy đo độ kim lún, cốc đựng mẫu, bể điều nhiệt, chén trung chuyên, thiết bị bấm giờ, nhiệt kế
	Xác định độ giãn dài ở 25°C	TCVN 7496: 2005	Khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, nhiệt kế để kiểm soát nhiệt độ nước
	Xác định điểm hoá mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497: 2005	Vòng - bi, bình thủy tinh, khung treo
	Xác định nhiệt độ bắt lửa bitum	TCVN 7498: 2005 TCVN 8818-2:2025	Thiết bị cốc hở gồm nhiệt kế, chất lỏng gia nhiệt
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt 5h ở 163°C	TCVN 7499: 2005	Tủ sấy gia nhiệt, giá quay, nhiệt kế, cốc đựng mẫu, cân phân tích cx0,001g
	Xác định tỷ lệ kim lún sau khi nung ở 163°C trong 5h so với độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495: 2005	Máy đo độ kim lún, cốc đựng mẫu, bể điều nhiệt, bình trung chuyên, nhiệt kế
	Xác định độ hoà tan trong Trichlorotylene	TCVN 7500: 2005	Thiết bị lọc, cốc lọc bằng sứ, đệm lọc, cân phân tích cx0,001g
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501: 2005	Bình đo tỷ trọng, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, cân phân tích cx0,001g, cốc thủy tinh
	Xác định hàm lượng Paraphin bằng PP chung cất	TCVN 7503: 2005	Bộ chưng cất, cốc lọc hoặc giấy lọc, tủ sấy, cân phân tích cx0,0001g
	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504: 2005	Bếp đun, bình ngâm mẫu bằng thủy tinh, nước cất, nhiệt kế
9	Gạch đất sét nung		
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1: 2009	Thước đo độ cx0,1mm
	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2: 2009	Máy nén thủy lực, máy cắt mẫu, bay chảo để trộn VXM
	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3: 2009	Máy nén uốn thủy lực, bộ giá uốn
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 2009	Cân kỹ thuật cx1g, tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ, thùng hoặc bể ngâm mẫu
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5: 2009	Cân kỹ thuật cx1g
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 2009	Cân kỹ thuật cx1g, thùng chứa mẫu
10	Gạch bê tông		

	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, độ rỗng	TCVN 6477: 2016	Thước lá thép có vạch chia đến 1mm, thước kẹp có vạch chia đến 0,1mm
	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477: 2016	Máy nén, thước lá thép có vạch chia đến 1mm,
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477: 2016	Tủ sấy, cân kỹ thuật cx1g, thùng ngâm mẫu
11	Bột khoáng		
	Thành phần hạt, độ ẩm, hệ số háo nước, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, chỉ số dẻo	TCVN 12884-2:2020 TCVN 4197:2012	
12	Thử nghiệm tại hiện trường, thử kết cấu		
	Xác định dung trọng và độ ẩm của vật liệu bằng PP dao đai	TCVN 12791: 2020;	Bộ dao đai theo tiêu chuẩn, dao gọt mẫu, cuốc, búa, khay đốt ẩm, khay đựng mẫu, bếp (còn), cân cx1g, dao gạt đất, búa, bàn chải lông
	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346: 2006; TCVN 8728;8729;8730: 2012	Bộ rót cát theo tiêu chuẩn, búa, túi, khay đựng mẫu, khay đốt ẩm, cân 15kg
	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864: 2011	Thước đo 3m, con nôm, chổi quét
	Xác định mô đun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861: 2011	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, đồng hồ so, cát sạch, thước nivo
	Xác định mô đun đàn hồi E chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867: 2011	Cần đo vồng Benkelman, đồng hồ so, kích thủy lực, tấm ép
	Xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866: 2011	Bộ đồ nhám, thước dài 500mm, cân kỹ thuật cx0,1g
	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc sóng siêu âm	TCVN 13536: 2022; TCVN 13537: 2022;	Máy đo siêu âm
	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu bằng PP súng bật nảy	TCVN 9334: 2012	Súng bật nảy

	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu bằng PP kết hợp Siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335: 2012	Súng bật nảy, máy siêu âm
	PP xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356: 2012	Máy đo, dụng cụ vệ sinh mặt siêu âm
	Chống sét cho công trình xây dựng - Đo điện trở tiếp đất	TCVN 9385: 2012	Máy đo, cọc tiếp đất, dây dẫn
	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429-09	
	Độ đồng đều và hàm lượng nhựa tưới	TCVN 8863:2023 TCVN 9505:2012 TCVN 8809:2011	
	Cọc - PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393: 2012	Kích thủy lực, hệ thống tạo tải trọng

2.2 Máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm:

2.2.1 Máy móc, thiết bị:

TT	Tên phương tiện đo lường	Xuất xứ / tình trạng	Thời hạn hiệu chuẩn (Ngày kiểm định hiệu chuẩn lần cuối)
1	2	3	4
1	Máy nén, uốn bê tông	Hãng sản xuất: LD Anh-Trung Quốc	05/01/2026
2	Máy kéo vụn năng	Nước sản xuất: Trung Quốc	05/01/2026
3	Máy siêu âm bê tông	Model; Pundit plus	
4	Súng thử cường độ bê tông Hãng sản xuất: Meter	Hãng sản xuất: Meter – Italy	05/01/2026
5	Máy siêu âm bê tông định vị cốt thép	Hãng: CMT – UK	
6	Máy cắt đất Trung Quốc	Hãng sản xuất: XIYI- Trung Quốc. Model:SDJ-II	05/01/2026
7	Máy nén đất	Hãng sản xuất: XIYI – Trung Quốc, Model:WG-1C	05/01/2026
8	Cân điện tử	Hãng sản xuất: ADAM-UK, Model:CBW30	05/01/2026
9	Cân điện tử	Hãng sản xuất: Ohaus – Model: EC30	05/01/2026
10	Cân thủy tĩnh	Hãng XS: ADAM – UK, Model:CBW 6H	05/01/2026
11	Cân cơ	Hãng SX: ADAM-UK	05/01/2026

		Model: AQ311S	
12	Cân điện tử	Hãng SX: ADAM-UK Model:CBK16	05/01/2026
13	Cân cơ	Hãng SX: ADAM-UK Model: TBB2610S	05/01/2026
14	Thước kẹp cơ khí	Nước sản xuất: Trung Quốc	
15	Đồng hồ bấm giây	Nước sản xuất: Trung Quốc	
16	Bộ sàng đất . tiêu chuẩn Việt Nam	Nước sản xuất: Trung Quốc	
17	Bộ sàng cát tiêu chuẩn Việt Nam	Nước sản xuất: Trung Quốc	
18	Bộ sàng đá dăm (sỏi) tiêu chuẩn Việt Nam	Nước sản xuất: Trung Quốc	
19	Bộ CBR hiện trường Model 101 – 2	Model 101 – 2	
20	Máy CBR trong phòng thí nghiệm	Nước sản xuất: Trung Quốc	05/01/2026
21	Máy thử độ bền nén Marshall- 28 KN	Nước sản xuất: Trung Quốc	05/01/2026
22	Máy siêu âm khuyết tật kim loại, mối hàn	Hãng sản xuất: Panametrics-NDT	
23	Thiết bị xác định độ dẫn dài nhựa đường	Nước sản xuất: Việt Nam	
24	Máy nén đất ba trục	Model:TSZ30-2.0	
25	Bộ thí nghiệm nén tĩnh cọc	Nước sản xuất: Việt Nam	05/01/2026
26	Bộ thí nghiệm xuyên động DCP hiện trường	Nước sản xuất: Trung Quốc	
27	Bộ xuyên tĩnh Wuxi – TQ	Model:CLD-5 : Trung Quốc	
28	Đồng hồ đo chuyển vị	Nước sản xuất:Nhật Bản	05/01/2026
29	Bộ kim lún nhựa đường		
30	Máy đo điện trở đất-Kyoristu- Nhật. Model:4102	Nước sản xuất:Nhật Bản	05/01/2026
31	Máy thử độ bền nén uốn Model : MLA-200	Nước sản xuất: Trung Quốc	05/01/2026
32	- Nhiệt kế kim loại: Khoảng đo : 0- 100°C - Nhiệt kế kim loại: Khoảng đo : 0- 250°C - Nhiệt kế kim loại: Khoảng đo : 0- 300°C	Nước sản xuất: Trung Quốc	05/01/2026
33	-Tỷ trọng kế 151H- loạiA -Tỷ trọng kế 151H- loại B.	Nước sản xuất: Việt Nam	
34	Pi pét (TQ)	Nước sản xuất: Việt Nam	
35	Thiết bị đo modun đàn hồi bằng cân Benkleman	Nước sản xuất: Việt Nam	05/01/2026
36	Máy kinh vĩ điện tử Model:DT-205	Model:DT-205	
37	Máy thủy chuẩn Model:A-G6	Model:A-G6	

38	Thuốc lá kim loại – Việt Nam	Nước sản xuất: Việt Nam	
39	Máy siêu âm cốt thép, Model:Profomete 5-Scanlog.	Model:Profomete 5-Scanlog.	

2.2.2 Trang thiết bị khác:

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	2	3
1	Cối chàyr sứ	
2	Khay đựng mẫu	KT: 40 x 60 cm
3	Bình hút ẩm	250mm
4	Côn thử độ sụt hỗn hợp bê tông	
5	Bộ chia mẫu – 25.4mm	
6	Bộ chia mẫu – 12.5mm	
7	Phễu đổ hỗn hợp bê tông	
8	Bộ khuôn mẫu bê tông lập phương	150 x 150 x 150 200 x 200 x 200 150 x 300
9	Xi lanh thử độ nén đập Việt Nam	
10	Bộ dao vòng lấy mẫu đất hiện trường	
11	Phễu rót cát	
12	Tủ dưỡng mẫu Model: HBY 40	
13	Máy thử độ mài mòn LosAngeles Model: LA-33	
14	Bàn dần tạo mẫu xi măng	Vận tốc: 60V/phút Công suất: 0,25 KW Theo tiêu chuẩn ISO 196; TCVN 6016
15	Máy trộn vữa xi măng kiểu hành tinh Hobart Hãng XS: XIYI – TQ .Model: ZS15	Dung tích nổi trộn: 5lít Trộn tốc độ 62 và 125V/Phút Công suất: 120W
16	Đĩa đệm tạo mẫu CBR	
17	Bộ chàyr đầm Marshall tự động Wuxi-Trung Quốc Model: MJ-IZ	Khối lượng búa đầm 4536 ± 9gam
18	Khuôn uốn bê tông:150x150x600 mm	
19	Bộ đo E bằng tấm ép cứng	Gồm: Kích 32 tấn và đồng hồ áp lực kế nén với đường kính 340, 760mm, thanh ngang thay kẹp đồng hồ gá.
20	Thùng rửa xác định hàm lượng chung bùn, bụi sét của cốt liệu	Thể tích: 17 lít với van khoá, vòi tràn Thể tích: 5 lít với van khoá, vòi tràn
21	Thùng ngâm mẫu	Kích thước: 60 x 80 x 60cm bằng tôn + bê xây
22	Bàn rung que chọc, xẻng – Việt Nam	
23	Dao, bay, chảo tạo mẫu	
24	Giá định vị thử nén xi măng	
25	Giá định vị thử uốn xi măng	

26	Máy chiết ly tâm 3000g	
27	Máy khoan bê tông nhựa	Động cơ HONDA Công suất: 5.5HP, 4 chu kỳ Mũi khoan kim cương đường kính: 101mm; 60mm
28	Máy khoan lấy mẫu bê tông từ cấu kiện Model: KB 130	Công suất 2.2 kw
29	Thiết bị đầm Proctor tự động – TQ	
30	Bộ xác định giới hạn chảy Casagand	
31	Máy trộn bê tông rơi tự do B 150lít	Dung tích thùng trộn 140 lít - Động cơ điện 0.33KW
32	Bể ổn nhiệt dưỡng mẫu Model: HY - 84	
33	Tủ sấy Model:101-2	Nhiệt độ đến 300 ⁰ c
34	Máy cắt mẫu thép	
35	Máy cắt mẫu thí nghiệm kiểu bàn đẩy Model: CB-40	
36	Máy lọc sàng – Model:ZBSX - 92	
37	Máy khoan địa chất Model: XY-1	
38	Thiết bị văn phòng 1) Máy vi tính để bàn 2) Máy in	

2.3. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên


Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo
1	Nguyễn Xuân Hoàn	Phó Giám đốc phụ trách trung tâm, Giám Trưởng phòng TN	Kỹ sư xây dựng, ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp	- Số 09.K86.25/VKHCN-CN Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm Viện khoa học và công nghệ GTVT; - Số 162/QĐ.75A.2025.VLXD thí nghiệm, kiểm định vữa bê tông xi măng và vật liệu chế tạo
2	Phạm Văn Khang	Thí nghiệm viên	Kỹ sư xây dựng, ngành kỹ thuật công trình XD	- Số 1437/2006/VKH-TNXD, chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ- lý của đất trong phòng và hiện trường - Số 1261/2006/VKH-TNXD, chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ- lý của vật liệu kim loại và Liên kết hàn

				<ul style="list-style-type: none"> - Số 1547/2007/VKH-TNXD, chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ- lý của Bê tông và Vật liệu Xây dựng - Số 2172/2007/VKH-TNXD, chứng nhận đào tạo TN về: Kiểm tra chất lượng BT bằng phương pháp không phá hủy
3	Đoàn Việt Hương	Thí nghiệm viên	- Trung cấp xây dựng; Cử nhân kinh tế;	<ul style="list-style-type: none"> - Số 1407/2006/VKH-TNXD, chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ- lý của đất trong phòng và hiện trường - Số 1522/2007/VKH-TNXD, chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ- lý của Bê tông và Vật liệu Xây dựng
4	Nguyễn Văn Duân	Thí nghiệm viên	Kỹ sư kỹ thuật địa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Số 000858402/LĐT BXH-DN, thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường bộ - Số 2856/2008/VKH-TNXD, chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Kiểm tra chất lượng cọc tại hiện trường và Thí nghiệm đất trong phòng và Hiện trường - Số 3501/2008/VKH-TNXD, chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ- lý của vật liệu kim loại và Liên kết hàn - Số 207/2014/ĐCCT chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Các phương pháp thí nghiệm địa kỹ thuật hiện trường. - Số 38/2015/CNBDNV-CDMI chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng, nghiệp vụ về Quan trắc CTXD bằng phương pháp phi trắc địa.
5	Phùng Thị Hương	Thí nghiệm viên	Kỹ sư xây dựng, ngành kỹ thuật công	<ul style="list-style-type: none"> - Số 000178548/LĐT BXH-DN, thí nghiệm viên kiểm tra

			trình XD	chất lượng đường ô tô
6	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thí nghiệm viên	Kỹ sư xây dựng, ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp	Số 16537/2025/VKH-TNXD chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên về không phá hủy.
7	Nguyễn Hoàng Chung	Thí nghiệm viên	Công nhân kỹ thuật 5/7	Số 5538/2009/VKH-TNXD, chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Kiểm tra chất lượng cọc tại hiện trường và Thí nghiệm đất trong phòng và hiện trường - Số 000178548/LĐT BXH-DN, thí nghiệm vật liệu đường bộ - Số 2093/2007/VKH-TNXD, chứng nhận đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của bê tông và vật liệu xây dựng - Số 12362/2015/VKH-TNXD chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên về phương pháp không phá hủy.

Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố; Tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; Cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Hoàn

Số: 331/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 24 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT/BXD-BNV, ngày 16/01/2004 của Bộ Xây dựng - Bộ Nội vụ, về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước ngành Xây dựng tại địa phương;

Căn cứ Thông báo Nghị quyết số 150-TB/TU ngày 10/07/2006 của Tỉnh ủy Yên Bái về việc thành lập Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh Yên Bái thuộc Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tỉnh Yên Bái tại tờ trình số 126/TTr-SNV, ngày 13/07/2006 về việc thành lập Trung tâm Kiểm định Xây dựng tỉnh Yên Bái,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Thành lập " Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Yên Bái "

Điều 2. Vị trí và chức năng :

- Trung tâm kiểm định xây dựng tỉnh Yên Bái là đơn vị sự nghiệp có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, thuộc Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái. Trung tâm có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; Trụ sở đặt tại Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái (trước mắt đặt tại Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái);

- Tổ chức hoạt động kiểm định, tư vấn phục vụ công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm xây dựng trên địa bàn; tư vấn một số lĩnh vực hoạt động xây dựng: nghiên cứu thực nghiệm; nghiên cứu khoa học; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xây dựng và chuyển giao công nghệ.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ :

1. **Nhiệm vụ :** Kiểm định cấu kiện xây dựng, vật liệu xây dựng, chất lượng các công trình xây dựng; tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và theo hợp đồng của các chủ đầu tư, các nhà thầu đồng thời thực hiện tư vấn một số lĩnh vực trong hoạt động xây dựng, gồm :



- Kiểm định chất lượng vật tư, vật liệu, các cấu kiện xây dựng và chất lượng thi công xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác từ khi khởi công xây dựng công trình cho đến khi hoàn thành đưa vào sử dụng theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Kiểm định, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng mới, công trình đã được đưa vào sử dụng, công trình sửa chữa, cải tạo nâng cấp, các công trình cần chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc thanh lý, các trang thiết bị nội thất, xác định các nguyên nhân hư hỏng, đề xuất biện pháp sửa chữa;

- Thí nghiệm, kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng. Xác định các chỉ tiêu cơ lý, hoá học của các mẫu vật tư, vật liệu như : đất, gạch, đá, cát, sỏi, sắt thép, xi măng, vữa, bê tông nhựa, các cấu kiện bê tông trong công trình, độ chặt nền đất đắp, kiểm định chất lượng cọc gia cố nền móng và các sản phẩm xây dựng khác;

- Thực hiện các thí nghiệm hiện trường. Kiểm tra xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của bán thành phẩm xây dựng như : cấu kiện bê tông đúc tại chỗ đưa vào xây dựng công trình, độ chặt nền đất đắp và các sản phẩm xây dựng khác;

- Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Công tác thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán và tổng dự toán công trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Tư vấn giám sát thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn. Trung tâm phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình do Trung tâm thực hiện giám sát; tư vấn đầu tư xây dựng công trình; tư vấn quản lý dự án các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác;

- Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thuỷ văn phục vụ công tác lập quy hoạch, lập dự án, thiết kế và kiểm định chất lượng công trình; nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xây dựng và chuyển giao công nghệ theo tiêu chuẩn chất lượng của Nhà nước;

- Quản lý vốn, tài chính, tài sản và lao động của đơn vị theo quy định của Nhà nước và của tỉnh;

- Thực hiện báo cáo định kỳ tháng, quý, năm về tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công về Sở Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Xây dựng giao.

2, Quyền hạn :

- Trung tâm được quyền ký kết hợp đồng kinh tế với các tổ chức, cá nhân để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao trên cơ sở tuân theo các quy định của pháp luật hiện hành;

- Nghiên cứu đề xuất với Sở Xây dựng về hệ thống tổ chức bộ máy của Trung tâm trình Sở phê duyệt theo phân cấp.

3, Nghĩa vụ :

- Thực hiện các công tác theo yêu cầu của Sở Xây dựng và hợp đồng đã ký với các tổ chức và cá nhân;

- Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về công tác quản lý dự án; công tác thẩm định, thẩm tra, giám sát và kiểm định chất lượng công trình xây dựng mà Trung tâm thực hiện;

- Tổ chức bộ máy có đủ điều kiện, năng lực, chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ được giao và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, bộ máy, biên chế :

1, Lãnh đạo :

- Trung tâm có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc theo quy định pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh;

- Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước tỉnh và Sở Xây dựng về toàn bộ các hoạt động của Trung tâm. Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân công.

2, Tổ chức, bộ máy gồm :

- Phòng Hành chính - Tổng hợp.

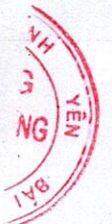
- Phòng Kiểm định xây dựng.

- Phòng Thẩm định và Tư vấn đầu tư xây dựng.

- Phòng Tư vấn quản lý dự án và giám sát xây dựng.

- Đội khảo sát địa chất, địa hình.

Các phòng có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức; khen thưởng, kỷ luật các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh; Giám đốc Trung tâm quy định chi tiết chức năng, nhiệm vụ các phòng.



3, Biên chế :

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm. Giám đốc Sở Xây dựng phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ xác định biên chế trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (năm 2006 bố trí 10 biên chế do ngân sách hỗ trợ để đảm bảo hoạt động của Trung tâm, từ năm 2007 chuyển sang sự nghiệp có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên);

- Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ viên chức theo quy định pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Kiểm định Xây dựng căn cứ quyết định thi hành./. *AS*

Nơi nhận: *14*

- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- TT. UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Như Điều 5;
- Lưu VT, NC, SNV.

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Lộc

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC... *3651* ...QUYỀN SỐ: 01SCT/BS**

Ngày: 26-05-2025



**CÔNG CHỨNG VIÊN
*Lai Trung Kiên***

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 215 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 02/TTr-SXD ngày 01 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

a) Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên bằng nguồn thu sự nghiệp, trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai (viết tắt là Trung tâm), chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Sở Xây dựng; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng và theo quy định của pháp luật.

b) Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và tài khoản riêng để phục vụ công tác chuyên môn và hoạt động theo quy định của pháp luật.

c) Trụ sở đặt tại: Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.

2. Chức năng: Trung tâm thực hiện chức năng kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng, vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng; kiểm định chất lượng các sản phẩm phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng; chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng của các công trình; cung cấp các dịch vụ tư vấn trong hoạt động đầu tư, xây dựng theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân; nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Kiểm định cấu kiện xây dựng, vật liệu xây dựng, chất lượng các công trình xây dựng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và theo hợp đồng của các Chủ đầu tư, các Nhà thầu đồng thời thực hiện tư vấn một số lĩnh vực trong hoạt động xây dựng, gồm: Kiểm định, kiểm tra, đánh giá về chất lượng công trình xây dựng mới, công trình đã được đưa vào sử dụng, công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo nâng cấp, các công trình cần chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc thanh lý, các trang thiết bị nội thất, xác định các nguyên nhân hư hỏng, đề xuất biện pháp sửa chữa.

2. Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của vật tư, vật liệu và các sản phẩm xây dựng.

3. Tư vấn đầu tư cho các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn; hạ tầng kỹ thuật và các dự án đầu tư khác, bao gồm:

- Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn các công trình;

- Tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập báo cáo nghiên cứu khả thi; thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự toán;

- Tư vấn thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư (Đối với các dự án thuộc nguồn vốn khác);

- Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư;

- Tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Tư vấn quản lý dự án;

- Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình; thiết bị công nghệ; hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

4. Tư vấn kiểm tra công tác nghiệm thu, kiểm định công trình trong quá trình thi công phục vụ công tác kiểm tra nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu khoa học; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xây dựng và chuyển giao công nghệ.

6. Thực hiện quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của tỉnh.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công về Sở Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Xây dựng giao và theo quy định của pháp luật.

9. Trung tâm được quyền ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân để thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao trên cơ sở tuân theo các quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo: Trung tâm có Giám đốc và các Phó Giám đốc theo quy định của pháp luật và quy định của tỉnh.

b) Cơ cấu tổ chức của Trung tâm gồm có 04 phòng:

(1) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

- (2) Phòng Kiểm định xây dựng;
- (3) Phòng Thẩm tra và Tư vấn đầu tư;
- (4) Phòng Thí nghiệm tổng hợp và khảo sát địa chất, địa hình.

2. Số lượng người làm việc

a) Số lượng người làm việc, lao động hợp đồng của Trung tâm được xác định trên cơ sở Đề án vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và điều kiện thực tế về khả năng ngân sách của đơn vị và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm xây dựng phương án bố trí, sử dụng số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo cơ chế tự chủ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

b) Việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng viên chức và hợp đồng lao động của Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh.

Điều 4. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Trung tâm ban hành nội quy, quy chế hoạt động và các quy chế phối hợp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

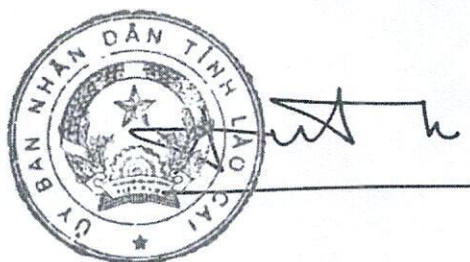
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Trung tâm Kiểm định xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chuyên viên Phòng KT;
- Lưu: VT, NC (Ng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn